

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-02-2020

V/v: “*Xin ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Tấn Đầu.

Ông Trịnh Phước Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thanh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Tô Đình V**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện P, Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Mỹ K**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn C, huyện P, Kiên Giang.

(Ông V và bà K đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tô Đình V trình bày:

Vào năm 1993 ông và bà Phạm Thị Mỹ K tự nguyện sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống trên mọi phương diện như quan hệ bạn bè, công ăn việc làm, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông và bà K sống ly thân đã lâu.

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa ông với bà K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung tên: Tô Thị Thu H, sinh ngày 14/8/1994; Tô Thị Thu D, sinh ngày 08/4/1996 và Tô Thị Diễm T, sinh ngày 07/5/2000, các con đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Mỹ K trình bày:

Thông nhất với phần trình bày của ông Tô Đình V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay ông V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà thì bà đồng ý, yêu cầu Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ K có nơi cư trú tại huyện P, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Tô Đình V và bị đơn bà Phạm Thị Mỹ K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông V và bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1993 ông V và bà K sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống như quan hệ bạn bè, công ăn việc làm, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông V và bà K sống ly thân đã lâu, nên không có thiện chí đoàn tụ và đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V và bà K đều yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng. Do ông V và bà K không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông V và bà K theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung, tài sản chung và về nợ chung: Ông V và bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí:

Ông Tô Đình V phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tô Đình V và bà Phạm Thị Mỹ K.

[2]. Về con chung: Các con đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Tô Đình V phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006911 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Kiên Giang.

Do ông V và bà K vắng mặt tại phiên tòa, nên ông V và bà K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- THADS huyện Phú Quốc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Quách Văn Khánh